| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN EA H'LEO**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 20-3-2019
(V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản)

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nụ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ksơr Y Nai và bà Mai Thị Mỵ

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'leo.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa:*** Ông Y Đum Kpă - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Phòng xử án – Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2018/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST-DS, ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị N– sinh năm 1980. Địa chỉ: T5, xã EL, huyện E H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Bị đơn:* Ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1. Địa chỉ: T8, xã EL, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, (bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần 2, nhưng đều vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:***

Vào ngày 28/3/2016 ông Vũ Như H, bà Dương Thị H1 có đến Cơ sở vật liệu xây dựng BP của bà Đỗ Thị N để mua vật liệu xây dựng về làm tường rào. Ông H và bà H1 đã mua gồm lưới B40, xi măng, sát thép với tổng số tiền hơn 60.000.000 đồng, đã trả trước hơn 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 49.350.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)*. Ông H, bà H1 đã viết giấy xác nhận nợ và hẹn đến ngày 20/4/2016 sẽ thanh toán đủ số tiền nợ trên.

Đến ngày 12/4/2017 giữa bà N và bà H1 đã tính tổng tiền gốc 49.350.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng = 61.000.000 đồng. Ông H, bà H1 hẹn đến ngày 13/5/2017 sẽ trả đủ, bà H1 đã ký vào giấy xác nhận số nợ 61.000.000 đồng, còn ông H không ký.

Tuy nhiên, từ đó đến nay bà N đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng Ông H, bà H1 lấy hết lý do này đến lý do khác để khất nợ. Bà N yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Như H, bà Dương Thị H1 phải trả số tiền nợ gốc 49.350.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)* và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giấy xác nhận nợ được lập cùng ngày 28/3/2016 với số tiền 61.000.000 đồng vì đã tính lãi suất 2%/tháng (BL số 22). Do giấy xác nhận nợ này chỉ có một mình bà Dương Thị H1 ký xác nhận nợ, nên bà N cho rằng không có giá trị.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, gồm: 01 giấy xác nhận nợ ngày 28/3/3016 (bản chính) về số nợ 49.350.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)*; 01 giấy xác nhận nợ ngày 28/3/3016 (bản chính) về số nợ 61.000.000 đồng *(Sáu mươi mốt triệu đồng)*.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 để tham gia tố tụng, nhưng đồng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết tên của ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 tại giấy nhận nợ có nội dung *"ngày 28/03/2016, tại đại lý BPchị H1 chốt sổ vật liệu vật liệu nợ tổng cộng 49.350.000 đồng (Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng..."* (kí hiệu A1) so với mẫu chữ ký, chữ viết tên trong các "Biên bản giao nhận" ngày 18/10/2018 do Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo giao cho Ông H, bà H1 (kí hiệu M1, M2).

Tại kết luận giám định số 06/PC09 ngày 21/01/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Như H, Dương Thị H1 tại mẫu kí hiệu A1 và chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Như H, Dương Thị H1 tại mẫu kí hiệu M1, M2 đều do ông H, bà H1 cũng viết và ký.

Sau khi có kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, bà Dương Thị H1 mới có mặt tại Tòa án và thừa nhận, vào ngày 28/3/2016 vợ chồng bà là Vũ Như H và Dương Thị H1 có đến đại lý BP do bà N làm chủ, để mua vật liệu xây dựng gồm lưới B40, kẻm, sắt và còn nợ của bà N số tiền là 49.350.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)*. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi lần 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không tính lãi suất với số tiền nêu trên. Bà H1 không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khẳng định số nợ 49.350.000 đồng là nợ gốc do quan hệ mua bán, chưa có lãi. Việc ký nhận nợ giữa hai bên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà N không chấp nhận yêu cầu trả dần và không tính lãi suất mà bà H1 đã trình bày, yêu cầu ông H và bà H1trả toàn

bộ số tiền 49.350.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/4/2016 cho đến khi trả hết nợ.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo*:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 305, 428, 438 Bộ luật Dân sự 2005, chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 49.350.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số tiền trên, kể từ ngày 20/4/2016 cho đến ngày xét xử và lãi suất chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Bản tự khai, Biên bản về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và Hòa giải ngày 22/02/2019 bà Dương Thị H1 đã thừa nhận bà Dương Thị H1 và ông Vũ Như H còn nợ của bà Đỗ Thị N số tiền 49.350.000 đồng, là đúng với giấy xác nhận nợ ngày 28/3/2016 (BL số 23) do nguyên đơn cung cấp lưu tại hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận giám định số 06/PC09 ngày 21/01/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, giấy xác nhận nợ ngày 28/3/3016 về số nợ 49.350.000 đồng được các bên tự nguyện xác lập trên cơ sở giao dịch mua bán tài sản, là không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, giao dịch này là hợp pháp nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch. Các bên đã thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 20/4/2016, bà N đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông H và bà H1 vẫn chưa trả được khoản nợ nào, ông H và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà N. Do đó, yêu cầu khởi kiện

của bà N là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005, cần chấp nhận.

Đối với giấy xác nhận nợ được lập cùng ngày 28/3/2016 với số tiền 61.000.000 đồng (BL 22) là đã tính lãi suất 2%/tháng, bà N cho rằng chỉ có một mình bà Dương Thị H1 ký xác nhận nợ nên không có giá trị. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết giấy xác nhận nợ này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về lãi suất: Xét yêu cầu của bà N về việc tính lãi suất đối với số nợ gốc theo quy định của pháp luật, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, nên cần chấp nhận. Tại khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ là 2016 với mức là 9,0%/ năm = 0.75%/ tháng để làm căn cứ tính lãi. Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 28/3/2016 về số tiền còn nợ là 49.350.000 đồng và hẹn trả vào ngày 20/4/2016, thì ông H và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 20/4/2016. Do đó, lãi suất chậm trả được tính từ ngày 20/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2019 là 35 tháng, nên số tiền lãi được tính như sau: 49.350.000 đồng x 35 tháng x 0.75%/ tháng = 12.950.000 đồng. Tổng cộng, số tiền ông H và bà H1 phải trả cho bà N là 49.350.000 đồng + 12.950.000 đồng = 62.300.000 đồng.

[4] Xử lý tiền chi phí giám định: Do bị đơn Vũ Như H và Dương Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do, nên nguyên đơn bà Đỗ Thị N có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Vũ Như H và Dương Thị H1 trong tài liệu giấy xác nhận nợ cung cấp lưu hồ sơ vụ án và nộp tạm ứng chi phí giám định. Căn cứ kết luận giám định của phòng khoa học kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk thì yêu cầu của bà N là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 5.040.000 đồng theo khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự vàbị đơn phải hoàn trả số tiền 5.040.000 đồng cho nguyên đơn.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N. Buộc ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 phải trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 62.300.000 đồng *(Sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).* Trong đó: Nợ gốc là 49.350.000 đồng, nợ lãi là 12.950.000 đồng.

**Xử lý tiền chi phí giám định**: Bị đơn ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định. Ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 5.040.000 đồng năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng chi phí giám định.

**Về án phí**: Ông Vũ Như H và bà Dương Thị H1 phải chịu 3.115.000 đồng *(ba triệu một trăm mười lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N số tiền 1.233.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea HLeo, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008828 ngày 28/9/2018.

*Áp dung khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Nụ**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện EaH'leo;
- Chi cục THADS huyện EaH'leo;
- Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.